

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THANH HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/NQ-HĐND

Thanh Hội, ngày 11 tháng 07 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Quyết toán ngân sách năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH HỘI
KHÓA IV - KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ Chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết 352/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thị xã Tân Uyên về việc dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Sau khi xem xét Tờ trình số 133 /TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Hội về việc quyết toán ngân sách năm 2022, Báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định quyết toán ngân sách năm 2022, như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước là 21.448.097.409 đồng (Hai mươi một tỷ bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ chín đồng), trong đó thu NSNN trên địa bàn là 276.175.000 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Tổng chi ngân sách nhà nước là 20.985.950.766 đồng (Hai mươi tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn bảy trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: Chi chuyển nguồn theo quy định là 5.582.446.121 đồng (Năm tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm hai mươi một đồng).

Kết dư ngân sách địa phương năm 2022 là 462.146.643 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi ba đồng).

Kèm theo các biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP gồm:



- Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm 2022: Biểu mẫu số 48;
- Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo lĩnh vực năm 2022: biểu mẫu số 50;
- Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm 2022: biểu mẫu số 51;
- Quyết toán chi ngân sách cấp Xã theo lĩnh vực năm 2022: biểu mẫu số 52;
- Quyết toán chi ngân sách cấp Xã cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2022: biểu mẫu số 54;
- Quyết toán chi đầu tư phát triển cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2022: biểu mẫu số 55;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai quyết toán ngân sách năm 2022 theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa IV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 07 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND-UBND Thành phố Tân Uyên;
- Phòng Tư pháp (Kiểm tra);
- Đại biểu HĐND xã;
- Đảng ủy-UBND-UBMTTQ xã;
- CT, PCT, TV. UBND xã;
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Lợi

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)
*(Kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ-HĐND, ngày 11 tháng 07 năm 2023 của
 HĐND xã Thạnh Hội)*

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	21,542,843	21,448,098	-94,745	100%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	244,000	276,175	32,175	113%
-	Thu NSDP hưởng 100%	244,000	276,175	32,175	113%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	0	0	0	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	15,935,400	15,808,480	-126,920	99%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	12,435,400	12,308,480	-126,920	99%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3,500,000	3,500,000	0	100%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
IV	Thu kết dư	1,289,711	1,289,711	0	100%
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4,073,732	4,073,732	0	100%
B	TỔNG CHI NSDP	16,145,400	20,985,951	4,840,551	130%
I	Tổng chi cân đối NSDP	16,145,400	15,403,505	-741,895	95%
1	Chi đầu tư phát triển	3,500,000	3,500,000	0	100%
2	Chi thường xuyên	12,413,400	11,903,505	-509,895	96%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	0	
5	Dự phòng ngân sách	232,000		-232,000	0%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0	0	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	0	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	5,582,446		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP	0	0	0	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	0	0	0	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0	0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0	0	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	0	0	0	
I	Vay để bù đắp bội chi	0	0	0	
II	Vay để trả nợ gốc	0	0	0	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP	0	0	0	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, bội chi NSDP, vay và trả nợ gốc vay.

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11 tháng 07 năm 2023 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	5,607,443	5,607,443	5,639,618	5,639,618	101%	101%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	244,000	244,000	276,175	276,175	113%	113%
I	Thu nội địa	244,000	244,000	276,175	276,175	113%	113%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)	0	0	0	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0	0		
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
7	Lệ phí trước bạ	0	0	0	0		
8	Thu phí, lệ phí	25,000	25,000	33,200	33,200	133%	133%
-	Phí và lệ phí trung ương	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí tỉnh	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí huyện	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí xã, phường	25,000	25,000	33,200	33,200	133%	133%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	34,000	34,000	0	0		

11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	0	0	0		
12	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0	0		
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0	0		
16	Thu khác ngân sách	185,000	185,000	242,975	242,975	131%	131%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	0	0	0	0		
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)	0	0	0	0		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)	0	0	0	0		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)	0	0	0	0		
II	Thu từ dầu thô	0	0	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	0	0	0		
1	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0		
2	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
6	Thu khác	0	0	0	0		
IV	Thu viện trợ	0	0	0	0		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	0	0	0	0		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	1,289,711	1,289,711	1,289,711	1,289,711	100%	100%
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	4,073,732	4,073,732	4,073,732	4,073,732	100%	100%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11 tháng 07 năm 2023 của

HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16,145,400	20,985,951	130%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16,145,400	15,403,505	95%
I	Chi đầu tư phát triển	3,500,000	3,500,000	100%
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	0	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	0	0	
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	0	0	
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0	0	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	0	0	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	0	0	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	3,500,000	3,500,000	100%
II	Chi thường xuyên	12,413,400	11,903,505	96%
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	378,000	405,768	107%
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0	0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0	0	
V	Dự phòng ngân sách	232,000		0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0	0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	0	0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	5,582,446	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND, ngày 11 tháng 07 năm 2023 của
HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	16,145,400	20,985,951	4,840,551	130%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	16,145,400	15,403,505	-741,895	95%
I	Chi đầu tư phát triển	3,500,000	3,500,000	0	100%
1	Chi đầu tư cho các dự án	0	0	0	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	0	
-	Chi khoa học và công nghệ	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	0	0	0	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	0	0	0	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	0	0	0	
-	Chi văn hóa thông tin	0	0	0	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	
-	Chi thể dục thể thao	0	0	0	
-	Chi bảo vệ môi trường	0	0	0	
-	Chi các hoạt động kinh tế	0	0	0	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0	0	0	
-	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	
-	Chi đầu tư khác	0	0	0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	3,500,000	3,500,000	0	100%
II	Chi thường xuyên	12,413,400	11,903,505	-509,895	96%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	378,000	405,768	27,768	107%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	0	0	0	
-	Chi quốc phòng	2,108,000	2,147,368	39,368	102%

-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	936,000	1,011,382	75,382	108%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	20,000	17,880	-2,120	89%
-	Chi văn hóa thông tin	100,000	209,052	109,052	209%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	100,000	98,780	-1,220	99%
-	Chi thể dục thể thao	150,000	159,509	9,509	106%
-	Chi bảo vệ môi trường	185,000	154,656	-30,344	84%
-	Chi các hoạt động kinh tế	325,000	322,474	-2,526	99%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	7,716,400	7,101,925	-614,475	92%
-	Chi bảo đảm xã hội	395,000	274,711	-120,289	70%
-	Chi thường xuyên khác	0	0	0	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	0	0	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	0	0	0	
V	Dự phòng ngân sách	232,000		-232,000	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	5,582,446		

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
NĂM 2022**

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ-HĐND, ngày 11 tháng 07 năm 2023 của HĐND xã Thạnh Hội)

Đơn vị: Ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	TỔNG SỐ	3,500,000	3,500,000											3,500,000					100%
1	Quản lý Nhà nước	3,500,000	3,500,000											3,500,000					100%

